TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 416/2024/DS-PT
Ngày 06 - 8- 2024
"V/v Tranh chấp dân sự hợp đồngvay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tặng

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Bà Kiều Kim Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Điểu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 419/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023, về việc "*Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 186/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: số 95/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 01 năm 2024; Thông báo mở lại phiên tòa số 386/TB-TA ngày 28/6/2024 giữa:

* *Nguyên đơn:*

1. Anh Lê Văn P, sinh năm 1971;

2. Chị Lê Thị H, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh P, chị H: Anh Dương Nhật Đ, sinh năm 1987. Là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 16/5/2023.

Địa chỉ: Ấp E, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

** Bị đơn*:

1. Anh Nguyễn Tấn Đ1, sinh năm 1978;

2. Chị Hà Minh Á, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn M, huyện T, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của anh Đ1, chị Á: Anh Phạm Văn K, sinh năm 1993. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 05/01/2024.

Địa chỉ: Số B, đường V, tổ A, khóm C, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Đ1, chị Á: Luật sư Lê Trạch G, Công ty TNHH Q - Chi nhánh Đ2, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: Số C, đường N, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

* ***Người kháng cáo***: Anh Nguyễn Tấn Đ1 và chị Hà Minh Á là bị đơn.

Anh Đ, anh K và Luật sư có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn anh Lê Văn P và chị Lê Thị H, người đại diện anh Dương Nhật Đ trình bày:*

Do chỗ bà con nên anh P và chị H có cho anh Đ1 và chị Á vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 11/8/2021 (Dương lịch), cho anh Đ1 và chị Á vay số tiền là 400.000.000 đồng, thỏa thuận miệng thời hạn vay là 01 tháng và lãi suất là 3%/tháng/toàn bộ số tiền vay. Đối với biên nhận nợ này thì toàn bộ chữ viết, chữ ký ghi họ và tên Hà Minh Á là của chị Á.

- Ngày 13/7/2022 (Dương lịch), cho anh Đ1 và chị Á vay số tiền là 1.700.000.000 đồng, thỏa thuận miệng thời hạn vay là 01 tháng và lãi suất là 3%/tháng/toàn bộ số tiền vay. Đối với biên nhận nợ này thì toàn bộ chữ viết ở phần nội dung là của anh Đ1, chữ ký và chữ viết ghi họ và tên Nguyễn Tấn Đ1 là của anh Đ1, còn chữ ký ghi họ và tên Hà Minh Á là của chị Á.

- Ngày 17/7/2022 (Dương lịch), cho anh Đ1 và chị Á vay số tiền là 2.030.000.000 đồng, thỏa thuận miệng thời hạn vay là 01 tháng và lãi suất là

3%/tháng/toàn bộ số tiền vay. Đối với biên nhận nợ này thì toàn bộ chữ viết ở phần nội dung là của anh Đ1, chữ ký và chữ viết ghi họ và tên Nguyễn Tấn Đ1 là của anh Đ1, còn chữ ký ghi họ và tên Hà Minh Á là của chị Á.

- Ngày 19/7/2022 (Dương lịch), cho anh Đ1 và chị Á vay số tiền là 1.850.000.000 đồng, thỏa thuận miệng thời hạn vay là 01 tháng và lãi suất là 3%/tháng/toàn bộ số tiền vay. Đối với biên nhận nợ này thì toàn bộ chữ viết ở phần nội dung là của anh Đ1, chữ ký và chữ viết ghi họ và tên Nguyễn Tấn Đ1 là của anh Đ1, còn chữ ký ghi họ và tên Hà Minh Á là của chị Á.

- Ngày 21/7/2022 (Dương lịch), buổi sáng cho anh Đ1 và chị Á vay số tiền là 250.000.000 đồng và buổi chiều cho anh Đ1 và chị Á vay số tiền là 500.000.000 đồng, thỏa thuận miệng thời hạn vay là 01 tháng và lãi suất là 3%/tháng/toàn bộ số tiền vay. Đối với 02 biên nhận nợ này thì toàn bộ chữ viết ở phần nội dung, chữ ký và chữ viết ghi họ và tên Nguyễn Tấn Đ1 là của anh Đ1.

Đến hạn trả nợ thì anh Đ1 và chị Á không thực hiện như thỏa thuận trên mặc dù anh P và chị H đã yêu cầu anh Đ1 và chị Á trả nợ nhưng đến nay anh Đ1 và chị Á vẫn chưa trả vốn và lãi gì cho anh P và chị H. Đối với số tiền cho vay trên là tài sản chung của anh P và chị H. Khi vay tiền thì đều có mặt anh Đ1 và chị Á nhưng do chỗ quen biết nên có biên nhận chỉ có một trong hai người này ký tên. Đồng thời, khi vay thì nghe anh Đ1 và chị Á nói bổ sung vốn kinh doanh của gia đình.

Theo đơn khởi kiện thì anh P và chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đ1 và chị Á phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay vốn là 6.730.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 1%/tháng, thời gian tạm tính từ ngày 21/7/2022 đến ngày 21/4/2023 thành tiền là 605.700.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu tiếp tục tính lãi với mức lãi suất trên cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm anh P và chị H xin thay đổi yêu cầu là nay yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Thứ nhất: Buộc anh Đ1 và chị Á phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay vốn là 5.580.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng, thời gian tính từ ngày 16/5/2023 đến ngày 16/9/2023 thành tiền là 185.256.000 đồng; Thứ hai: Buộc anh Đ1 phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay vốn là 750.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng, thời gian tính từ ngày 16/5/2023 đến ngày 16/9/2023 thành tiền là 24.900.000 đồng; Thứ ba: Buộc chị Á phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay vốn là

400.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng, thời gian tính từ ngày 16/5/2023 đến ngày 16/9/2023 thành tiền là 13.280.000 đồng.

Đối với việc anh Đ1 rút toàn bộ yêu cầu phản tố thì anh P và chị H đồng ý và không có ý kiến gì. Ngoài ra, anh P và chị H không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Bị đơn anh Nguyễn Tấn Đ1 và Hà Minh Á trình bày tại tòa sơ thẩm:*

Anh Đ1 và chị Á là vợ chồng, hiện vẫn còn chung sống với nhau. Đối với chị Á không có vay tiền gì của anh P và chị H nên chị Á không đồng ý trả theo toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh P và chị H. Đồng thời, đối với chữ ký, chữ viết ghi họ và tên Hà Minh Á trong các biên nhận mà anh P và chị H cung cấp cho Tòa án không phải là chữ ký và chữ viết của chị Á. Đối với anh Đ1 chỉ thừa nhận vào ngày 13/7/2022 (Dương lịch) có vay của anh P và chị H số tiền là 1.700.000.000 đồng và ngày 17/7/2022 (Dương lịch) có vay của anh P và chị H số tiền là 2.030.000.000 đồng, các khoản vay còn lại là không có. Anh Đ1 vay số tiền trên về để bổ sung vốn kinh doanh của mình. Đối với chữ viết ở phần nội dung và chữ ký, chữ viết ghi họ, tên Nguyễn Tấn Đ1 trong biên nhận ngày 13/7/2022 và ngày 17/7/2022 là của anh Đ1, còn các biên nhận còn lại thì không phải của anh Đ1. Đồng thời, anh Đ1 và chị Á không có yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ gì thêm và cũng không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định gì.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của anh P và chị H thì anh Đ1 chỉ đồng ý trả số tiền nợ vay vốn tổng cộng là 3.730.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu anh P và chị H trên số tiền trên. Đối với chị Á thì không đồng ý trả theo yêu cầu của anh P và chị H, vì chị Á không có vay tiền gì của anh P và chị H.

Anh Đ1 có đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh P và chị H phải trả số tiền nợ mua vật tư nông nghiệp là 130.791.000 đồng và cấn trừ số tiền này vào số tiền mà anh Đ1 đồng ý trả cho anh P và chị H. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm thì anh Đ1 xin rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố và việc rút này do anh Đ1 tự nguyện, không bị ai ép buộc. Ngoài ra, anh Đ1 và chị Á không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

Tại Quyết định Bản án dân sự sơ thẩm số: 186/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn P và chị Lê Thị H.

- Buộc anh Nguyễn Tấn Đ1 và chị Hà Minh Á phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh Lê Văn P và chị Lê Thị H số tiền nợ vay vốn là 5.580.000.000 đồng

và tiền lãi là 185.256.000 đồng, tổng cộng là 5.765.256.000 đồng (Năm tỷ, bảy trăm sáu mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

- Buộc anh Nguyễn Tấn Đ1 phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Lê Văn P và chị Lê Thị H số tiền nợ vay vốn là 750.000.000 đồng và tiền lãi là 24.900.000 đồng, tổng cộng là 774.900.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi bốn triệu, chín trăm nghìn đồng).

- Buộc chị Hà Minh Á phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Lê Văn P và chị Lê Thị H số tiền nợ vay vốn là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 13.280.000 đồng, tổng cộng là 413.280.000 đồng (Bốn trăm mười ba triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Tấn Đ1 về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Văn P và chị Lê Thị H phải trả số tiền nợ mua vật tư nông nghiệp là 130.791.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu, bảy trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

- Anh Đ1 có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu trên theo thủ tục chung.

- Trả lại đơn yêu cầu phản tố, tài liệu, chứng cứ kèm theo cho anh Đ1 (Nếu có yêu cầu).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 10 năm 2023, anh Nguyễn Tấn Đ1 và chị Hà Minh Á kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 186/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Tấn Đ1 không đồng ý trả tiền cho anh Lê Văn P, chị Lê Thị H đối với biên nhận ngày 19/7/2022 số tiền 1.850.000.000 đồng và biên nhận ngày 21/7/2022 số tiền 750.000.000 đồng.

Chị Hà Minh Á không đồng ý trả nợ cho anh Lê Văn P và chị Lê Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của anh Đ1 và chị Á cho rằng anh P và chị H khởi kiện anh Đ1 và chị Á là chưa đủ điều kiện khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Đ1 và chị Á trình bày:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời,

phát sinh người liên quan là anh Nguyễn Thanh H1, nhưng không đưa anh H1 tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng.

- Về nội dung: Anh Đ1 và chị Á vay tiền không kỳ hạn, anh P và chị H không báo cho anh Đ1 và chị Á biết thời gian trả nợ, nhưng anh P và chị H khởi kiện anh Đ1 và chị Á là chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 1, Điều 469 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án, Hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Tấn Đ1 và chị Hà Minh Á, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chị Hà Minh Á, anh Nguyễn Tấn Đ1 kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

[2] Anh P và chị H có cho anh Đ1 và chị Á vay 06 lần cụ thể:

- Ngày 11/8/2021, cho chị Á vay số tiền 400.000 đồng.
- Ngày 13/7/2022, cho anh Đ1 và chị Á vay 1.700.000.000 đồng.
- Ngày 17/7/2022, cho anh Đ1 và chị Á vay 2.030.000.000 đồng.
- Ngày 19/7/2022 cho anh Đ1 và chi Á vay số tiền 1.850.000.000 đồng.
- Ngày 21/7/2022, cho anh Đ1 vay số tiền 250.000.000 đồng.
- Ngày 21/7/2022, cho anh Đ1 vay số tiền 500.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền 6.730.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 3%/tháng. Đến hạn anh Đ1 và chị Á không trả vốn và lãi.

Anh P và chị H khởi kiện yêu cầu như sau:

+ Buộc anh Đ1 và chị Á liên đới trả cho anh P và chị H vốn 5.580.000.000 đồng và lãi 0,83% tính từ ngày 16/5/2023.

+ Buộc anh Đ1 trả cho anh P và chị H vốn 750.000.000 đ và lãi 0,83% tính từ ngày 16/5/2023.

+ Buộc chị Á trả cho anh P và chị H vốn 400.000.000 đồng và lãi suất 0,83% tính từ ngày 16/5/2023.

[3] Anh Đ1 thừa nhận có vay của anh P và chị H 02 lần vào các ngày 13/7/2022 số tiền 1.700.000.000 đồng và ngày 17/7/2022 số tiền 2.030.000.000 đồng, tổng cộng là 3.730.000.000 đồng. Anh Đ1 đồng ý trả 3.730.000.000 đồng và lãi theo quy định.

Chị Á không có vay tiền của anh P và chị H, nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của anh P và chị H.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử:

+ Buộc anh Đ1 và chị Á liên đới trả cho anh P và chị H vốn 5.580.000.000 đồng và lãi 185.256.000 đồng.

+ Buộc anh Đ1 trả cho anh P và chị H vốn 750.000.000 đ và lãi 24.900.000 đồng.

+ Buộc chị Á trả cho anh P và chị H vốn 400.000.000 đồng và lãi 13.280.000 đồng.

Anh Đ1 và chị Á không đồng ý có đơn kháng cáo:

[5] Xét kháng cáo của anh Đ1 không đồng ý trả cho anh P và chị H số tiền vay của biên nhận ngày 19/7/2022, số tiền 1.850.000.000 đồng và 02 biên nhận cùng ngày 21/7/2022, số tiền 750.00.000 đồng. Xét thấy, anh P và chị H khởi kiện yêu cầu anh Đ1 và chị Á trả số tiền 1.850.000.000 đồng và anh Đ1 trả số tiền 750.000.000 đồng, chứng cứ chứng minh của anh P và chị H biên nhận ngày 19/7/2022 và 02 biên nhận cùng ngày 21/7/2022. Anh Đ1 không thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Tấn Đ1 tại biên nhận ngày 19/7/2022 và 02 biên nhận cùng ngày 21/7/2022 là của anh Đ1, nhưng anh Đ1 không có yêu cầu giám định và cũng không có chứng cứ chứng minh chữ ký và chữ viết họ tên tại biên nhận ngày 19/7/2022 và 02 biên nhận cùng ngày 21/7/2022 không phải chữ ký và chữ viết của anh Đ1. Án sơ thẩm xử buộc anh Đ1 phải trả cho anh P và chị H số tiền vay của biên nhận ngày 19/7/2022 và 02 biên nhận cùng ngày 21/7/2022 là có căn cứ.

[6] Xét kháng cáo của chị Á không đồng ý trả anh P và chị H số tiền của biên nhận ngày 11/8/2021, ngày 13/7/2022, ngày 17/7/2022 và ngày 19/7/2022. Chị Á cho rằng không có vay tiền của anh P và chị H, chữ ký và chữ viết họ tên

tại các biên nhận ngày 11/8/2021, ngày 13/7/2022, ngày 17/7/2022 và ngày 19/7/2022 không phải chữ ký và chữ viết của chị Á và chị Á có yêu cầu giám định.

[7] Xét thấy, tại Kết luận giám định số 105/KL-KTHS ngày 29/5/2024 của V- Bộ C kết luận như sau:

1. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Hà Minh Á trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký của Hà Minh Á trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 có phải do cùng một người ký ra hay không.

2. Chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A1; Các chữ "Hà Minh Á" dưới mục "Vợ" trên các mẫu cần giám định ký hiệu A2, A3, A4 so với chữ viết của Hà Minh Á trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 do cùng một người viết ra.

[8] Mặc dù, Kết luận giám định không đủ cơ sở xác định chữ ký trên các biên nhận ngày 11/8/2021, ngày 13/7/2022, ngày 17/7/2022 và ngày 19/7/2022 là của chị Á, nhưng không có nghĩa là chị Á không có vay tiền của anh P và chị H bởi vì: Kết luận giám định đã kết luận chữ viết tại biên nhận ngày 11/8/2021 (ký hiệu A1) và chữ "Hà Minh Á" tại các biên nhận ngày 13/7/2022, ngày 17/7/2022 và ngày 19/7/2022 (ký hiệu A2, A3, A4) là chữ viết của chị Á.

[9] Chị Á cho rằng không có vay tiền của anh P và chị H, nhưng các biên nhận đều thể hiện chữ viết, chữ viết Hà Minh Á là của chị Á, nên án sơ thẩm xử buộc chị Á trả cho anh P và chị H số tiền vay của biên nhận ngày 11/8/2021 và chị Á liên đới cùng anh Đ1 trả cho anh P và chị H biên nhận ngày 13/7/2022/ ngày 17/7/2022 và biên nhận ngày 19/7/2022 là có căn cứ.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đ1 và chị Á, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2024/QĐ-BPKCTT ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Xét thấy, việc Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" của anh Nguyễn Tấn Đ1 và chị Hà Minh Á là đúng quy định tại Điều 126 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, sau khi Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tại thời, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, anh Nguyễn Thanh H1, anh Nguyễn Tấn Đ1 và chị Hà Minh Á có đơn kiến nghị, khiếu nại. Ngày 09/4/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định giải quyết kiến nghị, khiếu nại số 201/2024/QĐ-GQKN là không chấp nhận kiến nghị, khiếu nại của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, anh

Nguyễn Thanh H1, anh Nguyễn Tấn Đ1 và chị Hà Minh Á, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Đ1, chị Á mà tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 06/2024/QĐ-BPKCTT ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[11] Đối với việc người đại diện hợp pháp của anh Đ1 và chị Á cho rằng anh Đ1 và chị Á vay tiền không kỳ hạn, anh P và chị H không báo cho anh Đ1 và chị Á biết thời gian trả nợ, nhưng anh P và chị H khởi kiện anh Đ1 và chị Á là chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án.

[12] Xét thấy, anh Đ1 và chị Á có mối quan hệ bà con thân thuộc với anh P và chị H (cha của anh Đ1 là anh ruột của mẹ anh P). Anh Đ1 và chị Á thừa nhận có nhiều lần vay tiền của anh P và chị H đã trả xong. Mặc dù, các biên nhận vay không có ghi thời gian trả nợ, nhưng theo anh P và chị H thời hạn cho vay 01 tháng. Anh P và chị H cũng không có chứng cứ chứng minh là có yêu cầu anh Đ1 và chị Á trả nợ. Tuy nhiên, nếu anh Đ1 và chị Á có thiện chí trả nợ thì từ ngày anh P và chị H khởi kiện đến ngày Tòa án hòa giải khoảng 02 tháng anh Đ1 và chị Á cũng không trả nợ. Tại biên bản hòa giải ngày 20/7/2023, người đại diện của anh Đ1 xin cho anh Đ1 10 ngày, để có văn bản trình bày ý kiến, nhưng anh Đ1 không có văn bản trình bày ý kiến xem như thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, theo biên bản phiên tòa ngày 27/9/2023, người đại diện của anh Đ1 và chị Á thừa nhận "…do làm ăn nhiều lần, nên vay không có nói ngày trả, khi nào nguyên đơn cần thì thông báo cho anh Đ1 trả…".

[13] Mặt khác, anh Đ1 và chị Á kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Anh Đ1 và chị Á không có kháng cáo về việc anh P và chị H khởi kiện chưa đủ điều kiện khởi kiện. Điều đó, chứng tỏ anh Đ1 và chị Á mặc nhiên thừa nhận việc anh P và chị H khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

[14] Đối với việc người đại diện hợp pháp của anh Đ1, chị Á cho rằng anh P chị H khởi kiện anh Đ1 và chị Á là chưa đủ điều kiện khởi kiện, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án là vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu. Vì thế, việc người đại diện hợp pháp của anh Đ1 và chị Á đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án là không có cơ sở.

[15] Xét, đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Đ1 và chị Á là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[16] Xét, đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có

căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Tấn Đ1 và chị Hà Minh Á, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[18] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

[19] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên anh Nguyễn Tấn Đ1 và chị Hà Minh Á, phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 308; Khoản 1, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Tấn Đ1 và chị Hà Minh Á.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 186/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn P và chị Lê Thị H.

- Buộc anh Nguyễn Tấn Đ1 và chị Hà Minh Á phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh Lê Văn P và chị Lê Thị H số tiền nợ vay vốn là 5.580.000.000 đồng và tiền lãi là 185.256.000 đồng, tổng cộng là 5.765.256.000 đồng (Năm tỷ, bảy trăm sáu mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

- Buộc anh Nguyễn Tấn Đ1 phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Lê Văn P và chị Lê Thị H số tiền nợ vay vốn là 750.000.000 đồng và tiền lãi là 24.900.000 đồng, tổng cộng là 774.900.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi bốn triệu, chín trăm nghìn đồng).

- Buộc chị Hà Minh Á phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Lê Văn P và chị Lê Thị H số tiền nợ vay vốn là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 13.280.000 đồng, tổng cộng là 413.280.000 đồng (Bốn trăm mười ba triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án), bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Tấn Đ1 về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Văn P và chị Lê Thị H phải trả số tiền nợ mua vật tư nông nghiệp là 130.791.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu, bảy trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

- Anh Đ1 có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu trên theo thủ tục chung.

- Trả lại đơn yêu cầu phản tố, tài liệu, chứng cứ kèm theo cho anh Đ1 (Nếu có yêu cầu).

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 06/2024/QĐ-BPKCTT ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí:

3.1 Anh P và chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh P và chị H 57.668.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0002481, ngày 25/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

3.2 Anh Đ1 và chị Á phải liên đới chịu 113.765.000 đồng (Một trăm mười ba triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.3 Anh Đ1 phải chịu 34.996.000 đồng (Ba mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003594, ngày 09/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Anh Đ1 phải nộp tiếp 31.728.000 đồng (Ba mươi mốt triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.4 Chị Á phải chịu 20.531.000 đồng (Hai mươi triệu, năm trăm ba mươi mốt nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm

3.5 Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Tấn Đ1 và chị Hà Minh Á mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh Đ1 và chị Á mỗi người đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000887, 0000886 cùng ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, được trừ vào tiền án phí.

4. Về chi phí giám định: Tổng cộng 2.883.000 đồng. Chị Á phải chịu Chi phí giám định 2.883.000 đồng, chị Á đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Tấn Tặng